

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2023/TLST-KDTM ngày 14/4/2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1 (A);

Địa chỉ: Số B, L, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải N - Giám đốc A Chi nhánh D, Nghệ An (Theo quyết định uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N1)

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Xuân H - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện D, tỉnh Nghệ An. (Theo quyết định uỷ quyền lại số 63/QĐ-NHNo DC ngày 01 tháng 12 năm 2022).

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn B, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980.

Trú tại: xóm C, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Ông Cao Văn B và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N1 các khoản tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 8668/CVB-2016 ngày 03 tháng 01 năm

2016 tính đến ngày 15/6/2023 là 10.996.991.436 đồng (*Mười tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu chín trăm chín mươi một nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng đồng*); trong đó nợ gốc: 9.943.487.701 đồng (*Chín tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm linh một đồng*), nợ lãi: 1.053.503.735 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi ba triệu năm trăm linh ba nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày 16/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông **Cao Văn B** và bà **Nguyễn Thị P** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp nếu ông **Cao Văn B** và bà **Nguyễn Thị P** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 8668/CVB-2016 ngày 03 tháng 01 năm 2016 thì **Ngân hàng N1** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là Tàu cá vỏ Composite đóng theo ND 67 số NA-90986-TS đóng theo mẫu thiết kế LV.FRP26, Kích thước Lmax x Bmax x d: 26.00m x 7.50m x 3.50m, **Ltk x B1** x d: 20.42m x 7.00m x 2.60m, 01 máy chính MITSUBISHI công suất 822CV theo Hợp đồng bảo đảm tiền vay số 01TC/2016/TC/HTTL ngày 11/03/2016 và các phụ lục hợp đồng thế chấp.

Trường hợp số tiền thu từ xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông **Cao Văn B** và bà **Nguyễn Thị P** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ trên cho **Ngân hàng N1**. Sau khi bị đơn trả nợ xong số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 8668/CVB-2016 ký kết ngày 03 tháng 01 năm 2016 thì Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đã nhận thế chấp cho ông **Cao Văn B**, bà **Nguyễn Thị P**.

2.3. Án phí:

- Ông **Cao Văn B** và bà **Nguyễn Thị P** thỏa thuận chịu 59.498.000 đồng (*Năm mươi chín triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng*) án phí dân sự.

- Trả lại cho **Ngân hàng N1** số tiền tạm ứng án phí là 58.971.000 đồng (*Năm mươi tám triệu chín trăm bảy mươi một nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004102 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND huyện Diễn Châu;
- THA Dân sự huyện Diễn Châu;
- **TAND tỉnh Nghệ An**;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Đương sự.

(Đã ký)

Vũ Đức Thúy